

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/DS-ST
Ngày: 25-5-2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Vương
2. Bà Trương Thị Ngọc Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

Trụ sở: Lầu 8, 266-268 Nam Kỳ Khởi nghĩa, phường 8, quận 3, TP.Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Đức Thạch Diễm – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Huỳnh Tấn L theo văn bản ủy quyền số 1879/2019/UTTT ngày 23/10/2019 (có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Duy V, sinh năm: 1977.

Trú tại: ấp 4, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Huỳnh Tấn L trình bày:

Ngày 26/11/2013, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (gọi tắt là Ngân hàng) ký hợp đồng với ông Nguyễn Duy V với nội dung Ngân hàng cấp thẻ tín dụng cho ông V và cấp hạn mức là 30.000.000đ với mục đích tiêu dùng cá nhân. Thời hạn sử dụng thẻ là 10 năm. Lãi suất được tính trên từng giao dịch phát sinh từng ngày và theo lãi suất của Ngân hàng áp dụng theo từng thời kỳ khác nhau. Lãi suất trong hạn là 2,5%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất được thông báo tại thời điểm phát hành thẻ.

Trong quá trình sử dụng, ông V đã nhiều lần thực hiện giao dịch và đã thanh toán với số tiền là 3.550.000đ. Lần cuối cùng ông V thực hiện giao dịch là ngày 05/5/2014 rút tiền với số tiền 10.000.000đ. Tổng số tiền ông V đã giao dịch tính đến ngày 05/5/2014 và còn nợ là 29.141.344đ. Từ ngày 06/5/2014, ông V không thực hiện giao dịch nào khác và đến nay chưa thanh toán số tiền đã vay. Tính đến ngày 05/10/2014, ông V nợ Ngân hàng số tiền là 32.903.876đ. Do ông V vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngân hàng chuyển toàn bộ số nợ trên thành nợ quá hạn và chấm dứt việc sử dụng thẻ của ông V. Từ ngày 05/11/2014 cho đến nay (25/5/2020) số tiền nợ 32.903.876đ của ông V bị chuyển sang nợ quá hạn với số tiền lãi là 84.686.670đ.

Ngân hàng chỉ yêu cầu buộc ông V thanh toán số tiền là 117.590.546đ trong đó nợ gốc là 32.903.876đ và tiền lãi 84.686.670đ tính từ ngày 05/11/2014 đến ngày xét xử (25/5/2020).

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông V vắng mặt nên không thu thập được lời khai của ông V.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Về cơ bản, Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định pháp luật, bị đơn không tuân thủ nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông V phải trả gốc và lãi vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín khởi kiện buộc ông Nguyễn Duy V có nơi cư trú cuối cùng tại ấp 4, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước phải trả số tiền gốc và lãi đã vay theo hợp đồng tín dụng (hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng hạn mức). Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm

quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Duy V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án quyết định xét xử vắng mặt ông V theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín thấy rằng:

[2.1] Hợp đồng tín dụng giữa các bên thể hiện dưới hình thức văn bản (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng), thể hiện rõ về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất, phương thức thanh toán, quyền và nghĩa vụ của các bên, tuân thủ về phạm vi hoạt động, quy định lãi suất theo Điều 90, 91 của Luật các tổ chức tín dụng, có ký xác nhận thể hiện sự tự nguyện của các bên, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật theo Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2005.

[2.2] Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, xác định Ngân hàng có ký hợp đồng với ông Nguyễn Duy V, qua đó Ngân hàng cấp cho ông V thẻ tín dụng với hạn mức 30.000.000đ. Đến ngày 05/5/2014, ông V đã thực hiện nhiều giao dịch và nợ số tiền 29.141.344đ. Từ ngày 05/5/2014 đến nay, ông V không thanh toán số tiền vay cũng như lãi vay. Do ông V vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của hợp đồng, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, chuyển sang nợ quá hạn theo Điều 23 của hợp đồng và khởi kiện yêu cầu buộc ông V thanh toán tiền gốc và lãi vay là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Đối với số nợ gốc: tính đến ngày 5/10/2014, ông V giao dịch với số tiền là 29.141.344đ với tiền lãi trong hạn là 3.762.532đ. Ngân hàng cộng số tiền lãi trong hạn vào số tiền gốc là phù hợp, không trái quy định của pháp luật. Yêu cầu buộc ông V trả số tiền nợ gốc là 32.903.876đ là có căn cứ, được chấp nhận.

Đối với số tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày 06/10/2014 đến ngày 25/5/2020, số nợ của ông V là 32.903.876đ bị chuyển qua nợ quá hạn với mức lãi suất $150\% \times 2,5 = 3,75\%$ /tháng, số tiền lãi là 84.686.876đ.

Tổng số tiền gốc và lãi vay là: $32.903.876đ + 84.686.876đ = 117.590.546đ$

Yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông V trả số tiền 117.590.546đ được chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên ông V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, Điều 266; Điều 147 của BLTTDS;

Căn cứ vào Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2005; Luật các tổ chức tín dụng

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[2].Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, buộc ông Nguyễn Duy V phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền 117.590.546đ (một trăm mười bảy triệu năm trăm chín mươi nghìn năm trăm bốn mươi sáu đồng) trong đó tiền gốc là 32.903.876đ và tiền lãi là 84.686.670đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông V phải nộp 5.879.527đ (năm triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm hai mươi bảy đồng). Chi cục thi hành án dân sự huyện H hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền 2.700.181đ (hai triệu bảy trăm nghìn một trăm tám mươi một đồng) theo biên lai số 0001650 ngày 04/12/2019.

[4]. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND huyện H
- Chi cục THADS huyện H
- Các đương sự
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Minh Hải